

Tìm Hiểu Trung Quốc và Biển Đông qua Lịch Sử và Thời Kỳ Hiện Đại

Nguyễn Cao Quyền

Trung Quốc là nước thuần túy nông nghiệp. Vua chúa Trung Quốc tự cho mình là địa chủ của tất cả đất đai trong thiên hạ. *Khổng Tử* trong *Kinh Thi* xác nhận chủ quyền quốc gia bằng câu viết: “*Phổ chi thiên hạ, mạc phi vương thổ*”, có nghĩa là: *dưới Trời, không có chỗ nào không phải là đất của nhà vua*. Trong lịch sử, tham vọng đất đai của Trung Quốc chỉ hướng về phía Tây, nghĩa là vùng đất liền. Họ đã xâm chiếm Mông Cổ, Tân Cương, Tây Tạng, Vân Nam, Đại Việt và hầu như không chú ý đến phía Đông là Thái Bình Dương.

Tác giả *Gavin Menzies* cho rằng đô đốc hải quân Trung Quốc *Trịnh Hòa* (Cheng Ho 1371-1439), đã khám phá ra Mỹ Châu (1421) trước cả người Tây Phương (*NewYork Magazine* 2002). Việc *Trịnh Hòa* khám phá Mỹ Châu xảy ra như sau: “*Năm 1398 Minh Thái Tổ từ trần. Cháu nội lên nối ngôi, tức Minh Huệ Đế (1399-1402). Người chú của Huệ Đế là Chu Đệ lật đổ Huệ Đế (1402) và lên ngôi tức Minh Thành Tổ (1402-1424), nhưng không bắt được vua. Có tin đồn Huệ Đế đã trốn ra các hải đảo. Minh Thành Tổ liền sai đô đốc Trịnh Hòa thành lập một hạm đội hùng mạnh đi tìm Huệ Đế. Tìm không được nhưng Trịnh Hòa đã mang về nhiều ngọc ngà châu báu*”. Như vậy có thể nói là *Trịnh Hòa* viễn du đại dương không nhằm mục đích chiếm đất

Trong lịch sử Trung Quốc không có tham vọng chiếm Biển Đông

Hai hòn đảo lớn gần lục địa *Trung Hoa* là *Hải Nam* và *Đài Loan*. Năm 111 trước Công Nguyên, *Hán Võ Đế* sai *Lộ Bác Đức* đem quân sang đánh *Nam Việt* do nhà *Triệu* cai trị. Trên đường tiến quân, *Lộ Bác Đức* chiếm luôn đảo *Hải Nam*. *Hải Nam* tuy tự trị nhưng về mặt hành chính khi thì thuộc *Quảng Đông*, khi thì thuộc *Quảng Tây*. *Nhật Bản* chiếm đóng *Hải Nam* từ 1939 đến 1945. *Mao Trạch Đông* chiếm *Hải Nam* năm 1950.

Trung Quốc biết đến đảo *Đài Loan* từ những năm thuộc thế kỷ 3 thời *Tam Quốc* (213-280). Đảo *Đài Loan* thuộc một nhánh của người *Mã Lai* sống tự trị. Người *Bồ Đào Nha* đến *Đài Loan* năm 1590 và đặt tên cho hòn đảo này là *Formosa* (đảo xinh đẹp) nhưng không ở đây lâu. Năm 1622 Công Ty Đông Ấn *Hòa Lan* đặt căn cứ quân sự ở quần đảo *Pescadore* (Bành Hồ) nhưng bị người Trung Quốc đánh đuổi phải chạy qua *Đài Loan* và xây dựng cơ sở ở đây từ năm 1624. Người *Hòa Lan* cai trị *Đài Loan* đến năm 1662 thì bị tướng nhà *Minh* là *Trịnh Thành Công* đuổi đi. *Trịnh Thành Công* dùng *Đài Loan* làm căn cứ chống nhà *Thanh* (1644-1911). Đến đời cháu nội là *Trịnh Khắc Sáng* thì bị đô đốc nhà *Thanh* là *Thi Lang* đánh bại vào năm 1683. *Thi Lang* chiếm *Đài Loan* từ đó.

Trong chiến tranh *Trung Nhật* (1894-1895) Trung Quốc thua phải ký Hòa Ước *Kimono Seiki* năm 1845, nhường *Đài Loan* cho *Nhật*. Năm 1945 *Nhật* thua trận phải trả *Đài Loan* cho Trung Quốc. Năm 1949, *Tướng Giới Thạch* thất bại ở lục địa, di tản ra *Đài Loan* và tiếp tục lập chính phủ *Trung Hoa Dân Quốc* tại đây.



Rõ ràng là vua chúa Trung Quốc không chú ý đến việc tiến ra hải đảo, kể cả hai hải đảo lớn và gần là *Hải Nam* và *Đài Loan*. Các bản đồ ấn hành sau khi *Mao Trạch Đông* lên nắm chính quyền mới bắt đầu tùy tiện sử dụng đường nối dài chín điểm hình chữ U lưỡi bò để đòi hỏi chủ quyền trên các quần đảo tại biển Đông. Chính vì lý do này mà *Hội Nghị Hòa Bình San Francisco* đã bác bỏ lập luận của Liên Xô đòi giao các quần đảo *Hoàng Sa* và *Trường Sa* cho Trung Quốc. Hiệp Ước Hòa Bình với *Nhật Bản* (Treaty of Peace with Japan), ký kết ngày 8/9/1951 tại *San Francisco*, gồm đại diện của 51 nước nhưng cả

Trung Hoa Dân Quốc lẫn Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa đều không được mời tham dự. Ngày 5/8/1951 khi Hội Nghị bàn đến số phận của quần đảo Hoàng Sa và các đảo khác trên biển Đông thì đại diện của Liên Xô là *Andrei Gromyko* yêu cầu bổ sung các hải đảo đó vào chủ quyền của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa nhưng không đưa ra được bằng chứng. Yêu cầu đó bị Hội Nghị bác bỏ. Nhật Bản từ bỏ quyền hành trên các hải đảo ngay sau khi hiệp ước hòa bình được ký kết.

Nhật Bản từ bỏ quyền hành trên các hải đảo nhưng hiệp ước không ghi lại là phải giao cho ai. Riêng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vốn là của Việt Nam, nên trong thời gian VN bị Pháp bảo hộ thì hai quần đảo đó do Pháp cai quản. Nói khác hai quần đảo đó đã được thế giới mặc nhiên công nhận là của Việt Nam. Ngày 28/2/1946 Pháp và Trung Quốc ký *Hiệp Ước Trùng Khánh*. Đây là thời kỳ quân đội của Tưởng Giới Thạch đang tước vũ khí quân đội Nhật ở Bắc Việt. Theo hiệp ước này Trung Quốc đồng ý cho quân đội Pháp thay thế quân đội Trung Quốc ở Bắc vĩ tuyến 16 và quân đội Trung Quốc rút về nước. Đổi lại Pháp nhường cho Trung Quốc một số quyền lợi kinh tế của Pháp ở Trung Quốc và Bắc Việt. Sau hiệp ước này, Pháp cho quân đổ bộ lên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và tổ chức hành chính ở đó. Qua thời Việt Nam Cộng Hòa, Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam và Trường Sa thuộc tỉnh Phước Tuy.

Tại Genève (Thụy Sĩ), từ 24/3/1958 đến 19/4/1958, 86 quốc gia thành viên của Liên Hiệp Quốc họp hội nghị để bàn về luật biển. Hội nghị đi đến việc ký kết bốn quy ước quốc tế:

1. quy ước về hải phận và vùng tiếp giáp;
2. quy ước về thềm lục địa;
3. quy ước về hải phận quốc tế;
4. quy ước về quyền đánh cá và bảo tồn tài nguyên sống ở hải phận quốc tế. Những quy ước này gọi tắt là UNCLOS (*United Nations Conventions on Law of the Sea*) Trong các hiệp ước nói trên riêng quy ước về hải phận và vùng tiếp giáp chưa ấn định được chiều rộng là bao nhiêu.

Ngày 28/6/1958 Mao Trạch Đông tuyên bố với một nhóm tướng lãnh: "*Hiện nay Thái Bình Dương không yên ổn. Thái Bình Dương chỉ yên ổn khi nào chúng ta làm chủ nó*". Ngày 4/9/1958 Ban Thường Trực Quốc Hội Trung Quốc thông qua một Bản Thông Cáo về Hải Phận, được dịch ra nhiều thứ tiếng, gồm cả tiếng Việt. Bản thông cáo có hai điểm: *thứ nhất*, xác định lãnh hải của Trung Quốc là 12 hải lý; *thứ hai*, xác định chủ quyền trên các quần đảo Bành Hồ (Penghu), Đông Sa, Tây Sa, Trung Sa và Nam Sa (Tây Sa là Hoàng Sa và Nam Sa là Trường Sa của Việt Nam).

Công hàm Phạm Văn Đồng.



Sau khi Trung Quốc đưa ra thông cáo ngày 4/9/1958 thì đảng CSVN đưa ra Công Hàm Phạm Văn Đồng ký ngày 14/9/1958 để ủng hộ. Công hàm bán nước này ghi rõ: "*Chính phủ nước VNDCCH ghi nhận và tán thành Tuyên Bố ngày 4/9/1958 của chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc*".

Về trường hợp của quần đảo Trường Sa bị Trung Quốc xâm chiếm ngày 14/2/1974 chính phủ *Việt Nam Cộng Hòa* có ra một tuyên cáo về chủ quyền trên các đảo ngoài khơi bờ biển VNCH và một bản tuyên cáo về những hành động gây hấn của Trung Quốc trên khu vực

Hoàng Sa ngày 19/1/1974.

Ngoài công hàm bán nước của Phạm Văn Đồng, lịch sử còn ghi nhận *một hành vi bán nước khác của chính Hồ Chí Minh*. Tháng 2/1950 Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông cùng sang Moscow gặp Stalin để xin viện trợ.

Stalin ra lệnh riêng cho Mao phụ trách việc này. Khi trở về Bắc Kinh trên cùng một chuyến xe lửa Hồ Chí Minh qua toa xe của Mao Trạch Đông cầu khẩn; “*Stalin không chuẩn bị trực tiếp cho chúng tôi, cũng không ký hiệp ước viện trợ cho chúng tôi, cuộc chiến chống Pháp từ nay về sau chỉ có thể dựa vào sự viện trợ của Trung Quốc, vì vậy tôi muốn yêu cầu Trung Quốc cử cố vấn quân sự, xây dựng bộ đội, huấn luyện bộ đội và chỉ huy tác chiến*”. Lời khẩn cầu này đã được Mao chấp nhận với dụng ý xấu như ta đã biết. Ngày nay qua trung gian của đảng CSVN, Bắc Kinh đang ra mặt tấn công Việt Nam bằng cả sức mạnh mềm lẫn sức mạnh cứng với quyết tâm biến Việt Nam thành một khu tự trị của Trung Quốc.

Thái độ của Trung Quốc đối với Biển Đông trong thời hiện đại.

Tháng 3/2010, Bắc Kinh cho Washington biết là họ coi Biển Đông như vùng “*quyền lợi cốt lõi*” và công bố vào tháng 5/2010 bản đồ chín đoạn hình “*lưỡi bò*” bao gồm 80% diện tích Biển Đông trong đó có cả eo biển Malacca, thì Hoa Kỳ đánh giá đây là một thách thức nguy hiểm. Trước thái độ và hành động thiếu “*trách nhiệm hợp tác chiến lược*” nói trên, Ngũ Giác Đài được lệnh nghiên cứu nghiêm chỉnh khả năng gây chiến của Bắc Kinh. Sau một năm làm việc, báo cáo cho biết không lực Hoa Kỳ tại các căn cứ Guam và Okinawa vượt



trội quá xa không lực của ba nước Trung Hoa, Nga và Bắc Triều Tiên gộp lại. Kết luận là Trung Quốc chưa thể tiến hành chiến tranh với Hoa Kỳ. Kết luận nói trên đã trang bị tư tưởng cho ngoại trưởng Hillary Clinton khi bà sang phó hội tại Hà Nội ngày 23/7/2010. Tại Diễn đàn An Ninh Á Châu, ngoại trưởng Mỹ tuyên bố “*Hoa Kỳ sẽ trở lại Á Châu*” và nhắc nhở thêm rằng “*Chủ quyền kinh tế trên biển chỉ có thể xác định dựa trên chủ quyền đã được xác nhận về đất và đảo*”. Trên diễn đàn này, lần đầu tiên Hoa Kỳ chính thức phủ nhận bản đồ “*lưỡi bò*” của Trung Quốc, bác bỏ chủ quyền của Bắc Kinh trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và công khai đứng về phía các nước ASEAN trong thế đối đầu với Trung Quốc.

Mặc dầu đã có những lời tuyên bố rõ rệt của Hoa Kỳ, Trung Quốc vẫn ngăn cản các tàu đánh cá Phi Luật Tân và Việt Nam đánh cá trong vùng lãnh hải của nước mình. Gần đây, Trung Quốc lại thiết lập một vùng “*nhận dạng phòng không*” (ADIZ) bao trùm quần đảo Senkaku của Nhật và đe dọa lập thêm nhiều vùng nhận dạng phòng không khác trong miền. Tất cả những hành động quấy phá đó, Bắc Kinh tự coi là không vi phạm luật quốc tế vì được lịch sử cho phép.

Hoa Kỳ nhất quyết không công nhận vùng nhận dạng phòng không mới mà Trung Quốc thiết lập ở Biển Đông chòng lúp với những khu vực mà Nhật Bản cũng tuyên bố có chủ quyền. Quân đội Hoa Kỳ, cùng với hai nước đồng minh Nhật Bản và Nam Triều Tiên đã tiếp tục phái máy bay quân sự bay vào vùng phòng không đó mà không kể gì đến lời yêu cầu của Trung Quốc là phải báo trước kế hoạch bay cho Bộ Quốc Phòng của Bắc Kinh. Cho đến nay, Washington luôn luôn khẳng định sự trung lập, đồng thời phản đối bất kỳ biện pháp dùng vũ lực nào nhằm giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên trước những khiêu khích ngày càng gia tăng, thái độ của Mỹ đối với ADIZ và đường “*lưỡi bò*” ở Biển Đông đã trở nên quyết liệt.

Ngày 5/2/2014, trong buổi điều trần trước Ủy Ban Đối Ngoại Thượng Viện Hoa Kỳ, trợ lý ngoại trưởng Mỹ Daniel Russel nói Trung Quốc nên thu lại các tuyên bố về ADIZ. Ông cũng phản đối đường “*chín đoạn*” và cho biết Mỹ sẽ ủng hộ việc Phi Luật Tân đưa Trung Quốc ra Tòa Án Quốc Tế. Ngày 21/2/2014, một tướng lãnh hàng đầu của Mỹ cam kết Ngũ Giác Đài sẽ tiến hành thêm những cuộc đối thoại với Trung Quốc về những “*mục tiêu chung*”. Tướng Ray Odierno, tham mưu trưởng lục quân Hoa Kỳ, tuyên bố như vậy, trong lúc hội kiến với các tướng lãnh của Trung Quốc tại Bắc Kinh. Tướng Vương Minh của Trung Quốc nói “*Chúng tôi trông mong tiếp tục phát triển sự giao lưu và hợp tác giữa hai nước*”. Tuy đôi bên nhấn mạnh sự hợp tác ở chốn công khai nhưng sự ngờ vực lẫn nhau rõ ràng là đang trên đà gia tăng.

Từ nhiều năm qua những động thái gây hấn của Trung Quốc tại biển Đông đã dấy động dư luận thế giới. Một câu hỏi được nêu lên: “*Đâu là động lực của các hành vi gây hấn đó*”. Có nhiều lý do để giải thích việc này:

1. Lý do thứ nhất là hiện nay Trung Quốc đang rất đói *dầu hỏa*. Từ một nước xuất cảng dầu năm 1992, giờ đây Trung Quốc trở thành nước tiêu thụ dầu thứ hai sau Hoa Kỳ. Đói dầu làm cho Trung Quốc trở nên hung hăng và gây hấn.
2. Lý do thứ hai là “*nỗi sợ mất kiểm soát trong nước*”. Những cuộc bạo động không ngừng gia tăng, lên đến 127.000 vụ trong năm 2008. Nông dân biểu tình khắp mọi nơi. Tây Tạng đòi độc lập, Tân Cương đòi ly khai, Nội Mông đòi tự trị, Hong Kong coi thường chính phủ Bắc Kinh, Đài Loan từ chối không trở về thống nhất với Hoa Lục. Bị từng đó vấn đề thường xuyên theo đuổi và ám ảnh, nên nhóm lãnh đạo ngồi trong Trung Nam Hải ngày đêm mất ăn mất ngủ.
3. Lý do thứ ba là lý do chiến lược. Biển Đông rất quan trọng đối với *chiến lược* nguyên tử của Bắc Kinh. Chiến lược thống trị biển Đông tương tự như chiến lược của Liên Xô cũ ở vùng biển Okhotsk trong thời kỳ Chiến Tranh Lạnh. Chiến lược này vừa tạo ra một lá chắn nguyên tử bảo vệ lãnh thổ, vừa mở rộng địa bàn tấn công địch. Các nhà quân sự Trung Quốc tính rằng hỏa tiễn JL2 của họ có thể vươn tới Los Angeles của Hoa Kỳ và tàu ngầm loại 094 của họ có thể tiến sâu vào vùng biển Phi Luật Tân, nơi mà Hoa Kỳ thường thao diễn lực lượng phòng vệ chống tàu ngầm.



Trung Quốc sẽ gặp nhiều thách thức trong tham vọng khống chế biển Đông. Khác với vùng biển Okhotsk của Liên Xô, biển Đông là một vùng hàng hải quốc tế được thế giới thừa nhận. Tham vọng biển Đông đụng chạm đến nhiều quốc gia liên hệ. Cho nên, nếu Trung Quốc càng có thái độ quyết liệt với vùng biển này thì các nước láng giềng càng hợp tác chặt chẽ hơn với Hoa Kỳ, Ấn Độ, Nhật Bản và Úc Đại lợi. Vòng đai tử thần mỗi ngày một xiết chặt thêm, nhất là sau khi Hoa Kỳ đã tổ chức thành công cơ cấu chiến lược Hợp Tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Tuần trước, một sĩ quan cao cấp của hải quân Hoa Kỳ, hạm trưởng James Fanell, nói rằng Bắc Kinh đang chuẩn bị “*một cuộc chiến tranh ngắn hạn và kịch liệt*” với Nhật Bản để chiếm các hòn đảo do Tokyo kiểm soát. Tuy nhiên các giới chức Ngũ Giác Đài cho rằng viên sĩ quan này bày tỏ quan niệm riêng của ông ta. Cũng có dư luận cho rằng Bắc Kinh có nhu cầu biểu diễn “*cơ bắp*” hơn là hành động. Dù sao thì ai cũng thấy “*đĩ hòa vi quý*” sẽ có lợi cho Trung Quốc nhiều hơn vào lúc này./.

NGUYỄN CAO QUYỀN
Tháng 2 năm 2014